TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-09-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HÒA BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Lê Thị Hồng.

Hội Thẩm Nhân Dân: ông Bùi Văn Tấn; ông Bùi Văn Quyết

- ***Thư ký phiên toà***: bà Hoàng Thị Khánh Linh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà***: Ông Đinh Thế Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ P số: 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/08/2022 và quyết định hoãn phiên toà số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/09/2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: anh Bùi Văn P, sinh năm 1986. Cư trú tại: xóm Khả, xã Quý Hoà, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

- *Bị đơn*: chị Bùi Thị T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: xóm Khả, xã Quý Hoà, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn anh Bùi Văn P trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau tháng 02 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Quý Hoà, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên cuộc sống hàng ngày luôn căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc,

không còn tình cảm với nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nên anh P xin ly hôn để yên tâm ổn định cuộc sống và nuôi dạy con cái.

2. Về con chung: Anh P và chị T có 03 con chung là Bùi Thu H, sinh ngày 28/06/2005, cháu Bùi Thị T, sinh ngày 19/03/2007 và cháu Bùi Ngọc B, sinh ngày 17/05/2009 hiện các con ở với anh P. Khi ly hôn, anh P xin trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung cho đến khi các con trưởng thành. Anh P chưa yêu cầu chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về công nợ chung: Anh P khai không có

Ngoài ra anh P không có yêu cầu gì thêm.

Chị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có quan điểm gửi đến Toà án.

Phát biểu quan điểm tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Chị T được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng không chấp hành, phiên tòa đã phải hoãn một lần. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T là có cơ sở theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa anh P và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P với chị T là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GĐ năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của anh P là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83 Luật HN&GĐ năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản: anh P không yêu cầu giải quyết; về công nợ chung: anh P khai nhận không có. Do vậy, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn Bùi Thị T có nơi cư trú tại xóm Khả, xã Quý Hoà, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của chị Bùi Thị T: Chị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn, đã sống ly thân, nay không còn tình cảm và quan tâm đến nhau. Chị T không đến Tòa thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, từ bỏ quyền trình bày nguyện vọng của mình trước việc anh P xin ly hôn với chị.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh P và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P với chị T là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GĐ năm 2014.

[3]. Về con chung: Anh P và chị T có 03 con chung là Bùi Thu H, sinh ngày 28/06/2005, cháu Bùi Thị T, sinh ngày 19/03/2007 và cháu Bùi Ngọc B, sinh ngày 17/05/2009 hiện các con ở với anh P. Khi ly hôn, anh P xin trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị T không đến Toà án và không gửi quan điểm bày tỏ nguyện vọng về con chung đến Toà án; nguyện vọng của cháu H, cháu T và cháu B là mong muốn được sống với bố.

Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự thấy cần chấp nhận yêu cầu về con chung của anh P là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83 Luật HN&GĐ năm 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh P chưa yêu cầu chị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Theo kết quả xác minh tại địa P thì hiện anh P có đầy đủ điều kiện nuôi con. Căn cứ các Điều 82; 83 Luật HN&GĐ năm 2014 HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh P là phù hợp.

[4]. Về tài sản: anh P không yêu cầu giải quyết; Về công nợ chung: anh P khai nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Anh P phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn P đối với chị Bùi Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Bùi Văn P được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Bùi Thu H, sinh ngày 28/06/2005, cháu Bùi Thị T, sinh ngày 19/03/2007 và cháu Bùi Ngọc B, sinh ngày 17/05/2009 cho anh P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 09/2022 trở đi cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh P chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con). Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản:* không yêu cầu giải quyết*;*

4. *Về công nợ chung:* không có;

5. *Về án phí*: Anh P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004386 ngày 19/07/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay anh P không phải nộp án phí nữa.

6. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã Quý Hoà, h. Lạc Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng